



**BÍ KÍP BỎ TÚI ĐẠT**

**ĐIỂM CAO**

**TRONG PHẦN THI**

**PHÁT ÂM**

**ENGLISH**



 IELTS LINH UK

 Miss Linh Nguyễn

 LinhUK Academy

# Bí kíp bỏ túi đạt điểm cao trong phần thi phát âm **tiếng Anh**



## Bài phát âm

Dạng bài phát âm nguyên âm

Dạng bài phát âm phụ âm

Dạng bài phát âm s

Dạng bài phát âm ed



## Bài trọng âm

Dạng bài trọng âm 2 âm tiết

Dạng bài trọng âm 3 âm tiết trở lên

Đối với bài thi phần phát âm của tiếng anh trong cấp bậc trung học là vô kể, bởi số lượng từ trong tiếng anh là vô vàn.

Tuy nhiên, các bạn có thể bỏ túi một số nguyên tắc sau để đạt được kết quả gần như tối đa trong phần thi này nhé:

## A. Bài phát âm

### 1. Dạng bài phát âm nguyên âm

Nguyên âm	Các Nhóm Vần Thường Được Phát âm
/ʌ/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm u Much, such, cut, ...</li> <li>• Nhóm o Come, ...</li> <li>• Nhóm oo Blood, ...</li> <li>• Nhóm ou Young, ...</li> <li>• Nhóm oe Does, ...</li> </ul>
/ɑː/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm al Half, calm, palm, ...</li> <li>• Nhóm ar Car, bar, card, ...</li> <li>• Nhóm ear Heart, ...</li> </ul>

Nguyên âm	Các Nhóm Vần Thường Được Phát âm
<i>/e/</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm e Men, met, set, ...</li> <li>• Nhóm ea Head, death, breath, ...</li> <li>• Nhóm a Many, any, area, ...</li> </ul>
<i>/æ/</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm a Bank, back, pan, ...</li> </ul>
<i>/ɒ/</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm a Want, ...</li> <li>• Nhóm o Stock, wrong, doll, ...</li> </ul>
<i>/ɔ:/</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm or Bore, shore, bored, ...</li> <li>• Nhóm ar War, ...</li> <li>• Nhóm au Cause, caught, taught, ...</li> <li>• Nhóm ou Four, bought, ...</li> <li>• Nhóm a Wall, walk, ball, ...</li> </ul>

Nguyên âm	Các Nhóm Vần Thường Được Phát âm
/ʊ/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm o Wolf, ...</li> <li>• Nhóm u Pull, put, full, ...</li> <li>• Nhóm oo Look, foot, good, ...</li> <li>• Nhóm ou Would, should, ...</li> </ul>
/u:/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm u Rude, dune, clue, glue, ...</li> <li>• Nhóm o Lose, ...</li> <li>• Nhóm oe Shoes, ...</li> <li>• Nhóm ou Soup, ...</li> <li>• Nhóm oo Cool, food, goose, ...</li> <li>• Nhóm ew Crew, flew, ...</li> </ul>

Nguyên âm	Các Nhóm Vần Thường Được Phát âm
/ə/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm a Banana, away, sugar, ...</li> <li>• Nhóm e Garden, paper, under, ...</li> <li>• Nhóm o Correct, doctor, police, ...</li> <li>• Nhóm u Support, ...</li> <li>Nhóm ou Colour, neighbour, ...</li> </ul>
/ɜ:/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm ir Shirt, birth, bird, ...</li> <li>• Nhóm ur Burn, hurt, purple, ...</li> <li>• Nhóm or Word, worst, ...</li> <li>• Nhóm er Her, terminal, terminate, ...</li> </ul>

## 2. Dạng bài phát âm phụ âm

Phụ âm	Nhóm chữ cái thường được phát âm	Lưu ý
/p/	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm p: Copy, apply, please,...</li> </ul>	<p>Đứng trước "s": psychology, psychiatrist, ...</p> <p>Đứng trước "n": pneumonia, ...</p>
/b/	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm b: Best, cupboard, banana, ...</li> </ul>	<p>Đứng trước "t": doubt, debt, ...</p> <p>Đứng sau "m": Tomb, comb, ...</p>
/s/	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm s Sing, summer, season, ...</li> <li>Nhóm x Mix, fix, ...</li> <li>Nhóm c Cancel, concert, place, ...</li> </ul>	
/z/	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm z Zoom, zoo, breeze, ...</li> <li>Nhóm s Bays, wise, moves, ...</li> <li>Nhóm x Example, exhausted, exact, ...</li> </ul>	

Phụ âm	Nhóm chữ cái thường được phát âm	Lưu ý
/dʒ/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm g Language, age, village, ...</li> <li>• Nhóm j Object, juice, jelly, June, ...</li> </ul>	
/tʃ/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm ch choose, chair, champion, ...</li> <li>• Nhóm tr Train, tree, trash, ...</li> <li>• Nhóm t (các đuôi ture) Mixture, nature, ...</li> </ul>	
/θ/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm th Thick, thunder, earth, fourth,</li> </ul>	
/ð/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm th Sunbathe, them, weather, clothes, ...</li> </ul>	
/ʃ/	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhóm sh Should, English, fashion, ...</li> <li>• Nhóm t (các đuôi tion) Nation, information, ...</li> <li>• Nhóm s Sure, sugar, ... Các đuôi cious, tious, ... Precious, conscious, cautious, ...</li> </ul>	



Phụ âm	Nhóm chữ cái thường được phát âm	Lưu ý
/ʒ/	• Đuôi sure và sion Measure, leisure, decision, occasion, ...	

### 3. Dạng bài phát âm s

Để làm tốt dạng bài ngữ âm trong đề thi THPT Quốc gia môn tiếng Anh, hãy cùng đi tìm hiểu kỹ càng cách phát âm đuôi “s” bạn nhé:

*Quy tắc 1:*

Phát âm là /s/ khi tận cùng từ là các chữ cái -f, -gh, -t, -k, -p và -th – (âm /f/, /t/, /k/, /p/, /θ/).

Thần chú: Prep (p) ghê (gh) thật (t) phải (f) không (k) thể (th)?  
E.g. Maths, stops, walks, laughs, hats.

*Quy tắc 2:*

Phát âm là /iz/ khi tận cùng từ là các chữ cái -s, -ss, -z, -x, -ge, -ce, -ch, -sh. (/s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/).

Thần chú: Sẵn sàng (s, ss) chung (ch) thức (sh) xin (x) zô (z) giúp (ge) các em(ce).  
E.g. misses, watches, brushes, mixes, ...

*Quy tắc 3:*

Phát âm là /z/ với các từ còn lại.  
E.g. plays, lends, sees, ...

## 4. Dạng bài phát âm ed

Các câu hỏi về phát âm ed trong dạng bài ngữ âm tiếng Anh sẽ luôn xuất hiện, vậy nên nắm vững quy tắc phát âm sẽ giúp bạn chinh phục trọn vẹn điểm số:

*Quy tắc 1:*

Phát âm là /ɪd/ khi tận cùng từ là âm /t/ hay /d/.

Thần chú: tôi /t/ đi /d/.

E.g. wanted – /ˈwɑːntɪd/, hesitated – /ˈhez.ɪ.tetɪd/,  
added – /ædɪd/, needed – /ˈniːdɪd/.

*Quy tắc 2:*

Phát âm là /t/ khi tận cùng từ là âm /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/.

Thần chú: prep /p/ sẵn sàng /s/ chiến /tʃ/ không /k/ fai /f/ shợ /ʃ/

*Quy tắc 3:*

Phát âm là /d/ với từ tận cùng là các âm còn lại.

Cái này thì đơn giản thôi, nếu âm nào không ứng với quy tắc 1 hay quy tắc 2 ở trên, thì ta cứ nhét vào quy tắc 3 nhá.

E.g. played, stayed, travelled, reserved,...

## B. Bài trọng âm

### 1. Dạng bài trọng âm 2 âm tiết

Quy tắc 1:

Đa số các động từ có 2 âm tiết thì trọng âm chính được nhấn vào âm tiết thứ 2.

E.g.: attract /ə'trækt/, destroy /di'strɔɪ/, become /bɪ'kʌm/.

As the circus becomes larger, it attracts huge audiences.

Quy tắc 2:

Đa số các danh từ và tính từ có 2 âm tiết thì trọng âm chính được nhấn vào âm tiết thứ nhất.

E.g.: speaker /'spi:kə/, language /'læŋ.gwɪdʒ/, pretty /'prɪt.i/.

She is not only pretty, but also a talented girl as well. She can speak 7 languages fluently.

Quy tắc 3:

Một số từ vừa mang nghĩa danh từ hoặc động từ thì:

Nếu là danh từ trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

Nếu là động từ thì trọng âm nhấn vào âm tiết thứ 2.

E.g.: Record (v) /rɪ'kɔ:rd/: ghi âm; (n) /'rek.ə:d/: bản ghi âm;  
 Present (v) /prɪ'zent/: thuyết trình; (n) /'prez.ənt/: món quà;  
 Produce (v) /prə'du:s/ sản xuất; (n) /'prɑ:du:s/: nông sản.

Ngoại lệ:

visit /'vɪz.ɪt/, travel /'træv.əl/, promise /'prɑ:mɪs/, ...: trọng âm luôn nhấn vào âm tiết thứ nhất;

reply /rɪ'plɑɪ/, ...: trọng âm luôn rơi vào âm thứ 2.

Quy tắc 4:

Trọng âm không ưu tiên rơi vào âm /ɪ/ và không bao giờ rơi vào âm /ə/.

E.g.: Result /rɪ'zʌlt/, effect /ɪ'fekt/ dù là danh từ nhưng trọng âm rơi 2 do âm tiết 1 đều là /ɪ/; Offer /'ɒf.ər/, enter /'en.tər/, listen /'lɪs.ən/ dù là động từ 2 âm tiết nhưng trọng âm lại rơi vào âm tiết đầu tiên, do âm tiết thứ 2 đều là /ə/.

## 2. Dạng bài trọng âm 3 âm tiết trở lên

Quy tắc 1:

Hầu hết các từ tận cùng là đuôi; IC, ICS, IAN, TION, SION thì trọng âm rơi vào âm liền kề trước nó.

E.g.: decision /dɪ'sɪʒ.ən/, exotic /ɪg'zɒt.ɪk/, electrician /ɪl.ɪk'trɪʃ.ən/

Quy tắc 2:

Hầu hết các từ tận cùng là các đuôi: ADE, EE, ESE, EER, OO, IQUE thì trọng âm nhấn vào chính các âm này.

E.g.: Japanese /dʒæp.ən'i:z/, refugee /ˌref.ju'dʒi:/, kangaroo /ˌkæŋ.gə'ru:/

Quy tắc 3:

Hầu hết các từ tận cùng là: AL, FUL, Y thì trọng âm nhấn vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên.

E.g.: mineral /'mɪn.ər.əl/, plentiful /'plen.tɪ.fəl/, capability /ˌkeɪ.pə'bɪl.ə.ti/

Quy tắc 4:

Các tiền tố -un, -im, -in, -ir, -dis, -re, -over, -under không làm thay đổi trọng âm của từ.

E.g.: unable /ʌn'eɪ.bəl/, unusual /ʌn'ju:zʊ.əl/, immature,...

Quy tắc 5:

Các từ kết thúc là đuôi EVER thì trọng âm nhấn chính vào âm đó.

E.g.:

however /,haʊ'ev.ər/, whoever /hu:'ev.ər/, whatsoever /,wɒt.səʊ'ev.ər/.

# GOOD LUCK IN YOUR ENGLISH PREPARATION

*Linh Nguyen*



LinhUK Academy



IELTS LINH UK



Miss Linh Nguyễn